

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp
chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Quyết định số 68/2015/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 106-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 699-KL/TU ngày 31/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình số 212/CTr-UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Kế hoạch số 106-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chương trình hành động

thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 63/TTr-SCT ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

I. Quan điểm

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, theo hướng mở rộng và đầu tư mới, bổ sung các ngành công nghiệp nặng đi đôi với mở rộng, hiện đại hoá, tăng hiệu quả các ngành công nghiệp nhẹ. Từng bước tăng tỷ trọng các ngành sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chế biến sâu và xuất khẩu.

Phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như lọc hóa dầu, hóa chất, may mặc, da giày; vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm, thủy sản, chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp kim loại, cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, điện tử - công nghệ thông tin có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tập trung phát triển các nhóm ngành công nghiệp sau:

1. Nhóm ngành cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại.
2. Nhóm ngành hóa chất, cao su, nhựa.
3. Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng.
4. Nhóm ngành thực phẩm và đồ uống.
5. Nhóm ngành dệt may, da giày.
6. Nhóm ngành chế biến lâm sản.
7. Nhóm công nghiệp chế biến chế tạo khác.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Phần đầu phát triển ngành công nghiệp với tốc độ nhanh, bền vững, làm nền tảng chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp giữa phát triển công nghiệp với đầu tư kết cấu hạ tầng; xây dựng đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; triển khai nhanh các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn, tạo hạt nhân tăng trưởng cho nền kinh tế toàn tỉnh phát triển.

- Phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp Thanh Hóa hướng đến các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ và chuyên môn hóa cao, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ gắn kết với phát triển các ngành công nghiệp trong vùng trong khu vực và cả nước; phấn đấu Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung và cả nước, gắn với phát triển bền vững; cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh trở thành tứ giác phát triển ở phía bắc của Tổ quốc. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Thanh Hóa cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu ngành chế biến, chế tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, như sau:

Giá trị gia tăng ngành công nghiệp (VACN) chế biến, chế tạo đến năm 2020, dự báo đến năm 2030

ĐVT: Tỷ đồng, giá SS 2010

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025 (dự báo)	Năm 2030 (dự báo)	Tăng trưởng bình quân (%/năm)			
					2016-2020	2021-2025	2026-2030	2021-2030
VACN toàn tỉnh	10.817,7	33.132,9	70.000	120.000	25,1	16,1	11,4	13,7
VACN chế biến, chế tạo	8.816,4	29.024,4	62.090	110.520	26,9	16,4	12,2	14,3
<i>Chiếm tỷ trọng (%)</i>	81,5	87,6	88,7	92,1				

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Nhiệm vụ phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo

Công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có giá trị và có năng suất cao, trong đó trọng tâm là: Sản phẩm lọc hóa dầu, khí hóa lỏng, nhựa, hóa chất, điện tử viễn thông, dược phẩm và thiết bị y tế và các ngành công nghiệp hạ nguồn khác như may mặc, dệt may, da giày, thức ăn gia súc và chế biến thực phẩm; quan tâm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

Phát triển công nghiệp chế biến chế tạo theo hướng kết hợp hài hòa cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó chú trọng phát triển theo chiều sâu. Có cơ chế, chính sách đột phá để thu hút và mở rộng quy mô sản xuất các ngành công nghiệp có thể mạnh, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp nặng, trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo dựng mối liên kết giữa vùng nguyên liệu chế biến với cơ sở sản xuất. Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ưu tiên thu hút một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao như thiết bị và linh kiện điện tử, vật liệu mới, tự động hóa... để tạo ra các động lực tăng trưởng mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, từng bước

hình thành và phát triển một số cụm liên kết các ngành công nghiệp chủ lực. Giai đoạn 2021-2025 tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp đạt 16,4%/năm; giai đoạn 2026-2030 đạt 12,2%/năm. Tập trung phát triển các nhóm ngành sau:

1.1. Nhóm ngành cơ khí, điện tử và sản xuất (SX) kim loại

Tập trung phát triển sản phẩm cơ khí, điện tử và SX kim loại gắn với ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, điện tử và SX kim loại phục vụ sản xuất lắp ráp ô tô, phục vụ ngành cơ khí chế tạo;

Thu hút đầu tư cơ khí, điện tử và SX kim loại tại Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp, trọng tâm là Cụm công nghiệp phía tây thành phố Thanh Hóa, Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.

Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, sản xuất thiết bị, phụ tùng máy móc, động cơ điện, máy nông nghiệp, máy xây dựng, lắp ráp phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ điện tiêu dùng.

1.2. Nhóm ngành hóa chất, cao su, nhựa

Thu hút các dự án mới, mở rộng các dự án hiện có:

- Đầu tư mở rộng giai đoạn 2 Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, nâng công suất Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn lên khoảng 20 triệu tấn dầu thô/năm; tiếp tục thu hút các dự án chế biến sản phẩm từ lọc hóa dầu như sản xuất Propylene, sợi tổng hợp PET, phân bón DAP, Polyethylen, Paraxilene.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án số 1 - Tổ hợp hóa chất Đức Giang tại KKT Nghi Sơn, công suất 136.000 tấn sản phẩm/năm; đầu tư mở rộng, đầu tư dự án số 2 và dự án số 3, đưa tổng công suất của cả 3 dự án đạt 386.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tạo điều kiện để dự án Nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial (giai đoạn 1), công suất 960.960 sản phẩm/năm tại KCN Bỉm Sơn vào hoạt động ổn định; thúc đẩy mở rộng giai đoạn 2 và 3 đưa tổng công suất của nhà máy cả 3 giai đoạn lên trên 1.960.000 sản phẩm/năm.

1.3. Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD)

Hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động ổn định 05 nhà máy xi măng; tiếp tục đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến đá xuất khẩu, duy trì sản lượng đạt khoảng 25 triệu m²/năm.

Ổn định sản xuất sản lượng gạch lát nền đạt 15 triệu m²/năm; Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục đổi mới công nghệ, nâng cao công suất đạt 20 triệu m²/năm.

Hạn chế phát triển sản xuất gạch nung, phát triển mạnh hơn các sản phẩm vật liệu xây không nung; phát triển sản xuất các loại ngói không nung có phủ màu chất lượng cao dùng để trang trí, các loại ngói giả cổ. Phát triển sản xuất các loại tấm lợp thông minh, tấm lợp sinh thái, tấm lợp nhựa cao cấp lấy ánh sáng tự nhiên.

Phát triển đa dạng các loại bê tông đặc biệt như bê tông cường độ cao, bê tông nhẹ, bê tông chịu nhiệt, bê tông cách âm cách nhiệt, bê tông bền nước biển.

1.4. Nhóm ngành thực phẩm và đồ uống

Đầu tư đổi mới công nghệ của các nhà máy đường hiện có nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; ổn định diện tích vùng nguyên liệu, tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu.

Tập trung xây dựng Nhà máy chế biến sữa của Công ty CP ứng dụng CNC nông nghiệp và thực phẩm sữa TH, hoàn thành giai đoạn I trước năm 2025 và giai đoạn II trước năm 2030.

Tiếp tục thu hút thêm các dự án chế biến gia súc gia cầm trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh để đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường nội tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

1.5. Nhóm ngành dệt may, da giày

Khuyến khích thu hút đầu tư các dự án may mặc, da giày ở khu vực trung du, miền núi để thu hút lao động tại chỗ và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các huyện miền núi.

Khuyến khích doanh nghiệp may mặc, da giày đổi mới công nghệ, để nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm.

Thu hút đầu tư dự án công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày có công nghệ hiện đại, bảo vệ lý môi trường để cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho ngành may mặc, da giày của tỉnh.

1.6. Nhóm ngành chế biến lâm sản

Đầu tư chiều sâu, phát triển ổn định các nhà máy chế biến hiện có. Thu hút đầu tư các dự án chế biến sâu, sản phẩm chất lượng cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

- Giai đoạn 2021-2025: Thu hút đầu tư và đưa vào sản xuất ổn định nhà máy chế biến gỗ ván ép, nhà máy chế biến ván luồng ép thanh và nhà máy chế biến sản phẩm mộc cao cấp tại các huyện miền núi thấp như Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Xuân. Đến năm 2025, sản lượng đạt 150.000m³ ván ép. Thu hút dự án khu liên hợp sản xuất giấy chất lượng cao Tissue tại Khu kinh tế Nghi Sơn với nguyên liệu từ cây keo, bạch đàn, xoan, tre, luồng, nứa.

- Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục thu hút các dự án chế biến sâu từ dăm gỗ, tre, luồng. Đến năm 2030 sản lượng đạt 300.000m³ ván ép. Sau năm 2030 ổn định về sản lượng sản phẩm để tập trung đầu tư đa dạng về mẫu mã và chất lượng, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

1.7. Nhóm công nghiệp chế biến chế tạo khác

Đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất các cơ sở hiện có, nâng công suất chế biến thức ăn chăn nuôi lên khoảng 250.000 tấn/năm.

Công nghiệp sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu: Quan tâm thu hút đầu tư phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất các loại mỹ phẩm, thuốc, dược phẩm cao cấp và các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất và đời sống. Nghiên cứu phương án hình thành phân khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao sinh học trong KCN Lam Sơn - Sao Vàng.

2. Giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo

2.1. Giải pháp về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch

Sau khi Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt, thực hiện việc công bố công khai quy hoạch; các cấp, các ngành tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch được duyệt; Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường giám sát thực hiện quy hoạch.

2.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phục vụ cho phát triển ngành công nghiệp của tỉnh.

2.3. Giải pháp về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Tập trung thu hút đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn, tạo mặt bằng để thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp.

2.4. Giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao các chỉ số đo lường về môi trường đầu tư như PCI, PAPI, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh nói chung và đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nói riêng. Chú trọng đến công tác cải cách quyết liệt, thực chất và hiệu quả thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, kịp thời loại bỏ, tháo gỡ các rào cản, khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thông thoáng và dễ thực hiện, hấp dẫn các nhà đầu tư. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư với các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Công khai, minh bạch hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, pháp luật, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phát triển ngành, lĩnh vực, danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư; chủ động hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là các doanh nghiệp mới tham gia thị trường về thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai.

2.5. Giải pháp về huy động nguồn lực

Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, các nguồn vốn từ các chương trình, dự án. Tăng cường huy động các nguồn vốn trong nước khác thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn, các ngành và các thành phố lớn trong cả nước.

Huy động nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Đổi mới nội dung và phương pháp xúc tiến đầu tư theo hướng linh hoạt, hiệu quả; chuyển từ xúc tiến đầu tư theo chiều rộng, sang xúc tiến theo chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm.

2.6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo lao động chất lượng, tay nghề cao, phù hợp yêu cầu phát triển. Hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, thu hút cán bộ và lao động có trình độ cho một số ngành công nghiệp chủ lực.

Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề và thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. Tăng cường việc liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo của Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các địa phương có thế mạnh.

2.7. Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp

Khuyến khích, hỗ trợ chuyển giao đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Gắn kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu trong cả nước để triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Tập trung nguồn lực hình thành Khu công nghiệp sử dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng, tạo hạt nhân cho phát triển và hình thành ngành công nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

2.8. Giải pháp về môi trường

- Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến huyện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp.

- Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường. Tăng chi ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, tập trung giải quyết vấn đề môi trường bức xúc, tồn đọng kéo dài.

- Thu hút mạnh đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền.

2.9. Giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước

Tăng cường hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý nhà nước lĩnh vực công thương, phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, tránh chồng chéo, bỏ trống các nhiệm vụ quản lý, đặc biệt trong công tác đầu tư, thị trường, quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp; quan hệ phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước

ngành công thương với Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, các cấp ủy chính quyền địa phương...

Chú trọng đến công tác cải cách hành chính liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho doanh nghiệp.

IV. Nguồn vốn thực hiện đề án

- Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án thu hút vào đầu tư trên địa bàn tỉnh từ năm 2021-2030 thuộc các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút khoảng 315 nghìn tỷ đồng.

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong 09 năm (2022-2030) theo đề án Cơ chế, chính sách thu hút mở rộng các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh, trọng tâm là công nghiệp năng lượng và chế biến chế tạo khoảng 1.760 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương: 1.665 tỷ đồng; ngân sách tỉnh Thanh Hóa: 95 tỷ đồng).

- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026: Dự kiến giai đoạn 2022 - 2025 khoảng 200 tỷ đồng (hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và đầu tư các dự án lĩnh vực chế biến chế tạo tại khu vực miền núi).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

I. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Công Thương

- Xây dựng, hoàn thiện dự thảo Cơ chế, chính sách thu hút và mở rộng sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh Thanh Hóa, trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo đến năm 2030, báo cáo UBND tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022-2026 theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

- Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; các giải pháp kết nối doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực sản xuất với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hình thành các chuỗi cung ứng, sản xuất, bao tiêu sản phẩm, nhất là lĩnh vực công nghiệp phụ trợ; quan tâm hỗ trợ hình thành một số doanh nghiệp lớn tầm cỡ trong nước và khu vực ASEAN hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ logistics.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức công bố chương trình, đề án, dự án trọng điểm phát triển công nghiệp

hàng năm theo từng giai đoạn trình UBND tỉnh phê duyệt. Theo dõi, đề xuất kịp thời việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các danh mục ngành nghề được ưu tiên, khuyến khích các ngành nghề cấm hoặc hạn chế đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Tranh thủ sự hướng dẫn và hỗ trợ của Bộ Công Thương, vận động khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp lớn đầu tư vào tỉnh Thanh Hóa theo định hướng của quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến chế tạo của tỉnh Thanh Hóa và Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Trung Bộ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh liên quan đến lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm để hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ nguồn vốn ngân sách đảm bảo thực hiện các mục tiêu đề án mà ngân sách đã cân đối vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển các khu, cụm công nghiệp hàng năm, 5 năm.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở kế hoạch đăng ký sử dụng đất phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các vùng đã có chủ trương quy hoạch của các địa phương theo quy định nâng cao chỉ số về tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp khi đầu tư vào tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, đảm bảo mục tiêu phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo bền vững.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tiếp thu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, triển khai ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong quá trình tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Thẩm định, có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định để hạn chế các công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và lãng phí tài nguyên. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, thương hiệu, dịch vụ theo quy định.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, thu hút cán bộ và lao động có trình độ cho một số ngành công nghiệp chủ lực. Phát triển thị trường lao động và đổi mới chương trình đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc tế.

7. Sở Xây dựng

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền liên quan đến công tác thẩm định hồ sơ về xây dựng (quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng,...) trên địa bàn tỉnh đảm bảo quy định của pháp luật.

Thẩm định hoặc hướng dẫn các cơ quan liên quan thẩm định trình cấp thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình, hạng mục công trình trên địa bàn, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp theo quy định hiện hành. Phối hợp các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng theo định hướng của quy hoạch.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các vùng nguyên liệu với năng suất và chất lượng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến chế tạo.

9. Sở Giao thông vận tải

Lập kế hoạch và thực hiện xây dựng, nâng cấp các tuyến giao thông đến các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, xây dựng nâng cấp cảng biển, các đầu mối giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển của từng thời kỳ.

10. Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

- Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp trên cơ sở vận dụng hợp lý các cơ chế chính sách ưu đãi được Nhà nước đề thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mục tiêu đề ra.

- Phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch công nghiệp trong phạm vi địa bàn quản lý theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Tổ chức quản lý doanh nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật, môi trường, an ninh trật tự trong Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp theo quy định.

11. Các ngành cung cấp dịch vụ hạ tầng điện, nước, thông tin và các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Chủ động kế hoạch đầu tư hạ tầng cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc đến Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp phù hợp với tiến độ thực hiện đảm bảo nguồn cung cấp điện, nước theo nhu cầu phát triển.

- Các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

+ Triển khai đầu tư theo đúng yêu cầu, chất lượng, đúng tiến độ cam kết, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đầu tư, giữ đất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, tránh bỏ lỡ cơ hội, lãng phí đất đai, tài nguyên, nguồn lực. Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra chậm tiến độ, vi phạm cam kết và các quy định của pháp luật.

+ Khẩn trương đầu tư hạ tầng đồng bộ, nhất là đầu tư hệ thống xử lý nước thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khuyến khích các dịch vụ thiết yếu phục vụ

người lao động như nhà ở, chợ,... tạo sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư thứ cấp và thu hút nguồn lực lao động ổn định và chất lượng.

+ Ưu tiên thu hút có chọn lọc các dự án thứ cấp, dự án FDI có chất lượng vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo theo đúng quy định, hướng tới xây dựng thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chuyên ngành, chiều sâu, hiện đại, có giá trị gia tăng cao.

+ Chủ động đề xuất với cơ quan chức năng hỗ trợ các hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào theo quy hoạch, đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm nhằm tăng cường khả năng kết nối vùng, liên vùng, khu vực và quốc tế của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

II. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Quán triệt quy hoạch, phối hợp với các ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch; chỉ đạo và tổ chức giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi bố trí các doanh nghiệp vào cụm công nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương.

III. Các doanh nghiệp đầu tư các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo

Chủ đầu tư các dự án công nghiệp ngành chế biến, chế tạo tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để B/c);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN (T01.99).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm